

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **228** /2021/HS-ST

Ngày 28/10/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Hương**
- Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L

Ông Phạm Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bích Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 198/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐ-TA ngày 30/9/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng V T**, sinh năm 1991 tại: Nghệ An; HKTT: K, phường Q, thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Hoàng Văn T, sinh năm 1964; con bà: Lương Thị L, sinh năm 1971. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ ngày 19/5/2021. Tạm giam ngày 27/5/2021.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Chị Ngô Thị H, sinh năm 1989; trú tại: Thôn L, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (Có đơn xin xét xử vắng mặt - Vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lương Thị L, sinh năm 1971; Nơi ở phường Q, thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng V T:

Ông Hoàng Tám P - Luật sư Công ty Luật TNHH T A thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2020, Hoàng V T sử dụng tài khoản Zalo tên “Like Sing” nhắn tin nói chuyện với chị Ngô Thị H (sinh năm 1989; Trú tại: Thôn L, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội). Mặc dù bản thân không có nghề nghiệp ổn định nhưng T giới thiệu với chị H mình là Công an hiện đang công tác tại Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy C47 - Bộ Công an. Quá trình quen biết, gặp gỡ, T có cho chị H xem ảnh T mặc quân phục Công an do T tự cắt ghép trên mạng trước khi quen chị H. Sau một thời gian ngắn, T và chị H nảy sinh tình cảm nên được một thời gian cũng vào khoảng cuối 10/2020, cả hai thuê nhà và sinh sống với nhau tại địa chỉ số 9B ngõ 262 đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Trong quá trình sinh sống với chị H, T biết chị H có tiền mà bản thân T lại đang cần tiền tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị H. T nói với chị H mình đang bị điều động ra nước ngoài làm công an mật, nếu không muốn đi thì phải có 40.000.000 đồng để xin ở lại và sẽ làm thủ tục kết hôn với chị H. Để tạo lòng tin, T chuẩn bị 01 Quyết định điều động cán bộ của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Bộ Công an do T tự chế rồi cho chị H xem. Tiếp đó, T sử dụng số điện thoại 0985.973.*** lập tài khoản zalo mang tên “L T L” giả làm mẹ T nhắn tin với H về việc T sắp bị chuyển công tác, mẹ T lo còn thiếu 15.000.000 đồng. Chị H tin tưởng nên khoảng 07 giờ ngày 21/12/2020, tại số nhà 9B ngõ 262 đường Khương Đình, chị H đã chuyển số tiền 9.950.000 đồng cho T vào số tài khoản 101445****, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - chủ tài khoản Hoàng V T và đưa 5.050.000 đồng tiền mặt cho T. Toàn bộ số tiền trên, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 25/12/2020, T sử dụng số điện thoại 0563.299.*** gọi điện cho chị H, giả giọng rồi tự xưng là cán bộ thuộc cơ quan T đang công tác gọi điện thẩm tra, xác minh lý lịch để làm thủ tục kết hôn, đồng thời yêu cầu chị H

chuyển 15.000.000 đồng để sắp ký duyệt. Sau đó, chị H nói lại với T thì T trả lời là mẹ chỉ lo được 5.000.000 đồng, còn lại hai đứa tự lo. Do tin tưởng T nên cùng ngày 25/12/2020, khi đang ở phòng trọ số 9B ngõ 262 đường Khương Đình, chị H đã chuyển vào số tài khoản 107872639372 Ngân hàng Vietinbank - Chủ tài khoản Hoàng V T số tiền 10.000.000 đồng cho T để T lo việc. Toàn bộ số tiền trên, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Trong thời gian này, để tạo niềm tin cho chị H, T đã nhờ một người không quen biết (hiện không xác định được) làm 01 Giấy khen của Cục phòng chống ma túy tặng T nhưng không có tên, chức danh người ký, không chữ ký và không đóng dấu; đồng thời tự soạn thảo Lệnh bắt bị can để tạm giam (lệnh không số, không chức danh người ký, không đóng dấu) rồi đưa cho H xem. Tuy nhiên, do không thấy T có động thái để kết hôn hay trả tiền nên chị H đã yêu cầu T trả tiền. Để tiếp tục tạo niềm tin cho chị H và trì hoãn việc trả tiền, T nhờ ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1968; Trú tại: B, Phường K, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, T quen ngoài xã hội và khi quen, T có giới thiệu với ông T T là công an) đến gặp chị H để nói chuyện về số nợ của T. Tại số nhà 9B ngõ 262 đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, T giới thiệu với chị H ông T là sếp của T. Ông T nói với chị H khi nào T đưa tiền thì ông T sẽ trả cho chị H. Khi nghe T giới thiệu ông T là sếp T thì chị H tin tưởng và không nhắc lại số nợ nữa. Tuy nhiên, sau đó T không đưa tiền cho ông T và cũng không trả lại tiền cho chị H. Lợi dụng việc chị H về quê, T đã rời khỏi nhà trọ, không trả tiền và chặn mọi liên lạc với chị H nên ngày 23/3/2021, chị H đã đến Công an phường Hạ Đình để trình báo.

Quá trình điều tra, xác minh xác định Hoàng V T không phải là cán bộ của Cục cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Bộ công an, hành vi phạm tội của Hoàng V T đã rõ. Ngày 19/05/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra công an quận Thanh Xuân đã ra Lệnh giữ người trường hợp khẩn cấp; Ngày 24/5/2021, ra Quyết định khởi tố vụ án và ngày 27/5/2021 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Hoàng V T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản .

Cơ quan điều tra thu giữ của Hoàng V T:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen, kiểu máy CPH 1803, số imei1: 862134041032354; số imei2: 862134041032347, máy đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 098597****.

- Sau khi sự việc xảy ra, chị Ngô Thị H đã giao nộp: 01 giấy phép lái xe số 010141010905 mang tên Hoàng V T để phục vụ công tác điều tra.

Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, và khai: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, T xóa hết hình ảnh mặt trang phục Công an, dữ liệu liên quan đến việc giả mạo Công an trong điện thoại của T, vứt hết các giấy tờ tự chế, đổi tên tài khoản Zalo “L T L” sang tên “Hoàng T” và vứt chiếc sim điện thoại số 056329**** mà T sử dụng để giả giọng người khác gọi điện cho chị H (hiện không thu hồi được).

Quá trình điều tra xác minh xác định: Ngày 03/01/2021, bà Lương Thị L (sinh năm 1971; Trú tại: phường Q, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An - mẹ của T) gọi điện cho T nói đang cần 2.000.000 đồng có việc và muốn hỏi vay chị H. T nói bà L đừng vay chị H nên sau đó bà L đã gọi điện trực tiếp vay chị H và hẹn khi nào ra Hà Nội sẽ trả đồng thời nói chị H chuyển khoản cho T để T chuyển cho bà L. Lúc này, do đang nợ anh Phạm Bá Trung Đ số tiền 2.000.000 đồng, muốn trả cho anh Đ luôn số tiền trên rồi sẽ đưa tiền mặt khác cho bà L nên T đã cung cấp cho chị H số tài khoản 10300363****, Ngân hàng Vietinbank - chủ tài khoản Phạm Bá Trung Đ để chị H chuyển tiền. Vài ngày sau, T về quê và đưa cho bà L số tiền 2.000.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình sinh sống và tương sẽ được kết hôn với T, chị H đã chi ra 3.000.000 đồng để mua quần áo cho T và trả tiền thuê trọ. Toàn bộ số tiền trên, T và bà L chưa trả lại cho chị H. Toàn bộ sự việc trên chỉ là giao dịch dân sự. Cộng với số tiền 25.000.000 đồng T lừa đảo để chiếm đoạt, chị H yêu cầu T phải bồi thường 30.000.000 đồng.

Quá trình bị bắt giữ, Hoàng V T đã tác động nhờ bà Lương Thị L bồi thường cho chị Ngô Thị H số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Chị H đã nhận lại tài sản, hiện không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đối với ông Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định ông T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với các giấy tờ, tài liệu gồm: Quyết định về việc điều động cán bộ, Giấy khen của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy mà T sử dụng để tạo lòng tin với chị H nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra xác định những giấy tờ trên do T tự tạo ra, không có con dấu hay chữ ký của Cơ quan, tổ chức nào, sau khi sử dụng xong T đã vứt bỏ những giấy tờ trên và

không thu hồi được nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý T về hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen thu giữ của T, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 188/CT-VKSTX ngày 25/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã truy tố Hoàng V T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Hoàng V T khai nhận tội như nội dung bản cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hoàng V T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hoàng V T từ 18 tháng đến 20 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 sim số thuê bao 098597****.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen, kiểu máy CPH 1803, số imei1: 862134041032354; số imei2: 862134041032347, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Hoàng V T 01 giấy phép lái xe số 010141010905 mang tên Hoàng V T.

Tại phiên toà Hoàng V T đã khai nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ nhất mức hình phạt cho bị cáo.

Luật sư trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo T : Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 54 để có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển

sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn và xử phạt bị cáo mức án bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân truy tố là đúng người, đúng tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 21/12/2020, tại số nhà tại số nhà 9B ngõ 262 Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Hoàng V T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng của chị Ngô Thị H. Đến ngày 25/12/2020, cũng tại số nhà 9B ngõ 262 Khương Đình, Hoàng V T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng của chị Ngô Thị H. Tổng số tiền Hoàng V T chiếm đoạt là 25.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Hoàng V T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 và được sửa đổi bổ sung năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Xét tính chất mức độ thì hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo cần xét xử bằng pháp luật hình sự để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tình tiết giảm nhẹ: Hoàng V T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Quá trình điều tra, T đã tác động đến gia đình để tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại; bị cáo T lần đầu tiên bị đưa ra xét xử nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tình tiết tăng nặng: Hoàng V T thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

[4] Về những vấn đề khác:

Đối với ông Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định ông T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Đối với các giấy tờ, tài liệu gồm: Quyết định về việc điều động cán bộ, Giấy khen của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy mà T sử dụng để tạo lòng tin với chị H nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra xác định những giấy tờ trên do T tự tạo ra, không có con dấu hay chữ ký của Cơ quan, tổ chức nào, sau khi sử dụng xong T đã vứt bỏ những giấy tờ trên và không thu hồi được nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý T về hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị cáo Hoàng V T đã tác động nhờ bà Lương Thị L mẹ đẻ của bị cáo bồi thường cho chị Ngô Thị H số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Chị H đã nhận lại tài sản, hiện không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Bà Lương Thị L không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 30.000.000 đồng trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về hình phạt bổ sung: Không.

* Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 sim số thuê bao 098597****.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen, kiểu máy CPH 1803, số imei1: 862134041032354; số imei2: 862134041032347, máy đã qua sử dụng đây là tài sản hợp pháp của T. T sử dụng vào mục đích thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung công quỹ nhà nước chiếc điện thoại trên.

- Trả lại cho Hoàng V T 01 giấy phép lái xe số 010141010905 mang tên Hoàng V T, đây là giấy phép lái xe của T nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho T.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng V T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hoàng V T **01**(một) năm **06** (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị Ngô Thị H số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả và người bị hại chị Ngô Thị H không có yêu cầu gì khác. Bà Lương Thị L không có yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề dân sự đối với số tiền 30.000.000 đồng nên không xét.

* Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 sim số thuê bao 098597**** (05 số cuối của số seri sim là 90794).

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen, kiểu máy CPH1803, số imei1: 862134041032354; số imei2: 862134041032347, máy đã qua sử dụng, máy không lên nguồn không kiểm tra được tình trạng bên trong máy).

- Trả lại cho Hoàng V T 01 giấy phép lái xe số 010141010905 mang tên Hoàng V T.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/9/2021).

3. Án phí và quyền kháng cáo:

- Áp dụng: Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và danh mức án phí lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

- Bị cáo Hoàng V T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Công an quận Thanh Xuân;
- THADS quận Thanh Xuân ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP và hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Hường